

Bài 3: Quốc Kỳ & Quốc Ca

Trích Quốc Kỳ Việt Nam: Nguồn Gốc và Lễ Chính Thống Của Nguyễn Đình Sài

QUỐC KỶ

Khi đọc sách sử, chúng ta đã thấy xuất hiện bóng dáng lá cờ từ xa xưa lắm, nhất là trong khi bày binh bố trận, hai bên đều có cờ hiệu riêng mà quân tướng dưới cờ phải sống chết bảo vệ và cố triệt hạ lá cờ đối phương: một biểu hiệu của sự chiến thắng.

Trong thời quân chủ phong kiến, nhà vua nắm trọn quyền lãnh đạo đất nước hoặc các bộ tộc hoàn toàn làm chủ lãnh địa nên hiệu kỳ được xem là tiêu biểu của vua hay một triều đại hoặc các bộ tộc đó. Các lá cờ tiêu biểu đó dĩ nhiên là có thể thay đổi tùy theo ý muốn của người nắm giữ quyền uy.

Ý niệm lấy lá cờ làm biểu tượng cho một quốc gia mới xuất hiện từ cuộc cách mạng Pháp 1789, hệ quả của cuộc cách mạng này là đất nước không thuộc quyền sở hữu riêng của nhà vua hay một gia tộc có thế lực nào mà thuộc quyền sở hữu chung của mọi người cùng chấp nhận sống chung trong một cương vực lãnh thổ. Do đó, lá cờ cũng phải là biểu trưng của toàn dân không thể được thay đổi tùy tiện.

Theo truyền thuyết, quốc kỳ nước ta xuất hiện lần đầu tiên khi phái bộ Phan Thanh Giản yết kiến Vua Nã Phá Luân Đế Tam (Napoléon III) vào năm 1863 để thương thảo việc chuộc lại ba tỉnh Biên Hòa, Gia Định và Định Tường. Vì phải có quốc kỳ theo nghi thức ngoại giao, cụ Phan Thanh Giản đã quyền biến lấy vải vàng có vạch đỏ ở giữa mang trên lễ phục thay thế.

Đến khi Nhật đảo chánh Pháp ngày 9 tháng 3 năm 1945 tuyên bố trả độc lập cho Việt Nam, Hoàng Đế Bảo Đại tuyên bố nước nhà độc lập, cụ Trần Trọng Kim nhận thành lập chính phủ độc lập tự chủ, việc làm trước hết là tạo ra quốc kỳ và quốc ca. Cụ chọn lá cờ màu vàng giữa có quẻ ly màu đỏ, hình thức giống như lá cờ hiện nay chỉ có sọc đỏ ở giữa là đứt đoạn, theo Cụ giải thích:¹⁹ “*Lá cờ vàng là từ xưa nước ta vẫn dùng. Trong sách ‘Quốc Sử Diễn Ca’ nói bà Triệu Ẩu nổi lên đánh quân Tàu, đã dùng lá cờ ấy khởi nghĩa, nên ta có câu rằng: ‘Đầu voi phát ngọn cờ vàng.’ Vậy lấy sắc cờ vàng là hợp với ý cách mạng của Tổ Quốc, lấy dấu hiệu quẻ ly là vì trong lối chữ tôi cô của ta có tám chữ viết bằng vạch liền (dương) và vạch đứt (âm) để chỉ tám quẻ, chỉ bốn phương chánh và bốn phương bàng, nói ở trong*

¹⁹ Một con gió bụi, trang 60.

kinh Dịch, mà quẻ Ly chỉ phương Nam. Chử Ly còn có nghĩa là lửa, là văn minh, là ánh sáng phóng ra bốn phương. Lấy sắc vàng là hợp với lịch sử, lấy quẻ Ly là hợp với vị trí nước ta lại có nghĩa chỉ một nước văn hiến như ta thường xưng. Như thế là lá cờ vàng quẻ Ly có đủ các ý nghĩa.”

Từ khoảng hậu bán thế kỷ 19 đến nay, Việt Nam cũng đã thay đổi khoảng một chục lá “quốc kỳ”. Đáng chú ý nhất là lá cờ “nền vàng ba sọc đỏ”.

LONG TINH KỶ

Quốc Kỳ Nguyên Thủy Của Triều Đình Nhà Nguyễn

Đối chiếu với các tài liệu được tham khảo thì lá quốc kỳ đầu tiên trong thời nhà Nguyễn đã được đặt tên bằng tiếng Hán là “Long Tinh Kỳ”. Ý nghĩa của các chữ Hán như sau: **Kỳ** là cờ. **Long** là rồng, biểu tượng cho hoàng đế, có màu vàng. Râu tua màu xanh dương chung quanh tượng trưng cho tiên và cũng là màu đại dương, nơi rồng cư ngụ. **Tinh** có nghĩa là ngôi sao trên trời, mà cũng có nghĩa là màu đỏ. Màu đỏ còn biểu tượng cho phương Nam và cho lòng nhiệt thành. Long Tinh Kỳ là cờ rồng có chấm đỏ viền tua xanh, biểu hiệu cho một dân tộc có nguồn gốc Rồng Tiên ở phương Nam vùng nhiệt đới.



- *Nền vàng biểu hiệu hoàng đế và sắc tộc dân Việt.*
- *Chấm đỏ biểu hiệu phương Nam.*
- *Tua xanh biểu hiệu đại dương, vẫy rồng.*

ĐẠI NAM QUỐC KỶ

Nước Việt ta từ thời lập quốc đến đầu triều Nguyễn đã có nhiều quốc hiệu. Từ năm 1010, vua Lý Thái Tổ khai sáng triều đại nhà Lý thì đổi quốc hiệu Đại Cồ Việt thời Đinh Bộ Lĩnh thành ra Đại Việt. Quốc hiệu này vẫn được giữ nguyên qua nhiều triều đại Trần, Hồ, Lê, cho đến cuối triều đại Tây Sơn vào đầu thế kỷ 19. Tuy vậy, các triều đại Trung Hoa không hề chấp nhận quốc hiệu Đại Việt mà vẫn gọi nước ta là “An Nam”, ngụ ý một nước Nam được trị cho yên và từng phục người Hán, không còn quật cường nữa. Khi vua Gia Long lên ngôi vào năm 1802, nhà vua sai sứ sang Tàu cầu phong và xin lấy quốc hiệu là Nam Việt. Tuy nhiên, Thanh triều nghĩ đến tên Nam Việt vốn là quốc hiệu từ thời vua Triệu Đà vào năm 207 trước Công Nguyên. Lúc bấy giờ, Nam Việt còn bao gồm hai tỉnh lớn Quảng Đông, Quảng Tây, và đảo Hải Nam. Sau Công Nguyên thì các đất ấy đã bị người Hán chiếm mất. Đến thế kỷ 18, Quang Trung Hoàng Đế, một anh hùng bách chiến bách thắng của dân tộc Việt đã định đòi nhà Thanh trả lại các vùng này, song chưa thành công thì ông đã tạ thế lúc mới 40 tuổi. Khi vua Gia Long thống nhất sơn hà, muốn đổi quốc hiệu thành Nam Việt, Thanh triều nhớ lại lời yêu sách của vua Quang Trung, nên lo ngại và không chấp thuận. Để giữ hòa khí, Thanh triều mới thay đổi chữ Việt ra trước chữ Nam để cho khỏi làm với tên cũ. Vì thế, nước ta có quốc hiệu là Việt Nam kể từ năm 1804. Năm 1820, vua Minh Mạng nối ngôi cha, mở mang bờ cõi rộng lớn về phía tây và phía nam. Minh Mạng cũng sai sứ sang Tàu xin tấn phong và xin đổi quốc hiệu Việt Nam thành Đại Nam, ngụ ý một nước Nam rộng lớn.

Tuy nhiên Thanh triều đã không chính thức chấp thuận cho vua Minh Mạng đổi quốc hiệu mới thành Đại Nam Quốc. Mãi đến gần hai thập niên sau, nhân nhà Thanh bắt đầu suy yếu, vua Minh Mạng đã quyết định đơn phương đổi tên nước thành Đại Nam và chính thức công bố tên mới vào ngày 15 tháng 2 năm 1839. Quốc hiệu này đã được dùng trong đời vua Tự Đức và các đời vua kế tiếp. Một số tác phẩm nổi tiếng vào thời đó đã mang tên Đại Nam. Điển hình là bộ sách “Đại Nam Thực Lục Chính Biên” và bộ “Đại Nam Nhất Thống Chí” do Quốc Sử Quán triều Vua Tự Đức soạn ra, tổng hợp các công trình sử sách từ các đời vua trước.



- *Nền vàng.*
- *Hai chữ Đại Nam màu đỏ & xoay 90° ngược vị trí đối diện.*

Năm 1885, vì cờ Long Tinh theo vua Hàm Nghi kháng Pháp, nên người Pháp không chấp thuận cho Vua Đồng Khánh dùng Long Tinh Kỳ làm quốc kỳ nữa. Triều đình Đồng Khánh phải chế ra lá cờ mới. Lá cờ mới cũng có nền vàng, nhưng màu đỏ thì gồm hai chữ Hán “*Đại Nam*” mang tên quốc hiệu nước ta lúc bấy giờ, tức là “*Đại Nam Kỳ*”. Tuy nhiên, những người tinh thông chữ Hán, khi nhìn thoáng qua lá cờ mới đều nhận thấy không hoàn toàn giống các nét chữ “*Đại*” và “*Nam*”, nên không ai có thể quả quyết rằng lá cờ ấy liên hệ với quốc hiệu *Đại Nam*.

Chúng ta hãy nhìn lại hai chữ *Đại Nam* viết bằng Hán tự sau đây:



Đại



Nam

Bây giờ hãy thử xoay chiều, chữ *Đại* xoay 90 độ ngược chiều kim đồng hồ và chữ *Nam* xoay 90 độ theo chiều kim đồng hồ:



Đại
(xoay 90°
ngược kim
đồng hồ)



Nam
(xoay 90°
theo kim
đồng hồ)

Bây giờ, chúng ta mới nhận thấy hai chữ *Đại* và *Nam* xoay chiều theo kiểu trên khá giống lá quốc kỳ nước ta vào năm 1885-1890. Tuy vậy, chữ bên trái trên lá cờ khá giống chữ *Đại*, trong khi chữ bên phải trên lá cờ không hoàn toàn giống chữ *Nam*. Nguyên do có thể là vì người ngoại quốc đã không rành thuật viết chữ Hán, nên đã thiếu sót vài nét khi chuyển thành hình vẽ của chữ *Nam* trên các websites của họ. Cũng có thể đó chỉ là sự cố ý của triều đình Đồng Khánh khi thực hiện lá cờ, vì vua Đồng Khánh do Pháp đưa lên ngôi, là một ông vua bù nhìn, thể chất yếu đuối, thiếu tinh thần tự chủ, nên không dám làm mất lòng nhà Thanh cũng như chính phủ bảo hộ Pháp. Vì thế triều đình đành phải xoay đổi đi một chút.

QUỐC KỶ NỀN VÀNG BA SỌC ĐỎ

Dưới Hai Triều Đại Kháng Pháp 1890-1920

Vua Đồng Khánh ở ngôi được 3 năm thì băng hà vì bạo bệnh vào ngày 25 tháng 12 năm 1888, lúc mới 25 tuổi. Vì các con của ông còn nhỏ nên triều đình lập Hoàng Tử Bửu Lân, con Vua Dục Đức lên ngôi năm 1889, lấy hiệu là Thành Thái.

Vua Thành Thái là một vị vua thông minh, hiếu học, còn nhỏ tuổi mà sớm có ý chí tự cường dân tộc và có tinh thần canh tân đất nước. Ông thích tìm cơ hội sống gần dân, thường ra khỏi hoàng thành giả dạng đi chơi hay săn bắn, thậm chí về sau còn giả điên, nhưng thật ra là để tiếp xúc với các nhà chí sĩ cách mạng.

Trước đó, vào tháng 8 năm 1883 đời vua Hiệp Hòa, Pháp tấn công vào cửa Thuận An, gửi tới hậu thư bắt ép triều đình phải ký hòa ước Quý Mùi 1883, công nhận Nam Kỳ là thuộc địa của Pháp, còn Trung và Bắc Kỳ thuộc quyền bảo hộ của Pháp (có nghĩa là mất tư cách độc lập về ngoại giao và quốc phòng). Từ đó cho đến năm 1945, nước ta không còn là một lãnh thổ nguyên vẹn từ Nam chí Bắc.

Cảm thông tâm trạng bất mãn của nhân dân thể hiện qua những tiếp xúc với các sĩ phu ngoài hoàng thành, vua Thành Thái đã không những không thỏa mãn các đòi hỏi của chính quyền bảo hộ, mà còn trọng dụng nhiều nhân tài thanh liêm và đức độ như các ông Ngô Đình Khả, Nguyễn Hữu Bài, với hy vọng khôi phục và canh tân đất nước. Năm 1890, nhà vua xuống chiếu thay đổi quốc kỳ chữ Hán bằng quốc kỳ mới. Lá cờ nền Vàng Ba Sọc Đỏ lần đầu tiên được cấu tạo và được dùng làm quốc kỳ.

Sự kiến tạo lá quốc kỳ mới ấy có nhiều ý nghĩa vô cùng quan trọng:

- Thể hiện ý chí đấu tranh, bác bỏ hiệp ước Quý Mùi, “chia để trị” của thực dân Pháp, đã tạo ra tình trạng Nam Kỳ thuộc địa, Trung-Bắc kỳ bảo hộ.
- Xác quyết sự toàn vẹn lãnh thổ của Đại Nam Quốc, ba miền đều có tư thế chính trị giống nhau và bất khả phân trong nền tảng màu vàng của dân tộc Việt ở phương Nam.
- Nêu cao tinh thần “quốc gia dân tộc”, bằng cách đoạn tuyệt với sự liên hệ của chữ Hán, cũng như thoát ly ra khỏi nền bảo hộ Pháp và triều cống Tàu.



- *Nền vàng.*
- *Ba sọc đỏ bằng nhau biểu hiệu bắc-nam-trung bất khả phân.*

Chính vì các ý nghĩa trên mà lá cờ vàng còn được mệnh danh là cờ “Quốc Gia”. Như vậy, từ ngữ “quốc gia” có từ cuối thế kỷ 19, đối nghịch với “thuộc địa”, chớ không chỉ mới có vào bán thế kỷ 20 khi từ ngữ “cộng sản” xuất hiện.

Lá cờ Quốc Gia đã được tồn tại suốt triều vua Thành Thái. Năm 1907, vì tánh khí quật cường, không chịu làm một ông vua bù nhìn và không nghe theo các đề nghị của Pháp, vua Thành Thái bị Pháp biếm nhục là ông mắc bệnh “điên” và truất phế ông, rồi đưa ông đi quản thúc ở Vũng Tàu. Con vua Thành Thái là Hoàng Tử Vĩnh San được triều đình phò lên ngôi, lấy hiệu là Duy Tân. Cũng như vua cha, vua Duy Tân tuy còn nhỏ tuổi mà đã tỏ ra là một người ái quốc can đảm. Vì thế, lá cờ Quốc Gia vẫn còn tồn tại cho đến khi chính vua Duy Tân cũng bị bắt vì tội tham gia cuộc kháng chiến chống Pháp rồi bị đày sang đảo Réunion ở Phi Châu cùng với vua cha vào năm 1916.

CỜ BẮC TRUNG KỲ

Trong Thời Miền Nam Thành Thuộc Địa Pháp

Sau khi hai vua Thành Thái và Duy Tân bị Pháp bắt đày đi Phi Châu, con của vua Đồng Khánh là Khải Định lên ngôi. Giống như cha, Khải Định cũng là một vua bù nhìn và nổi tiếng nịnh Tây. Vì vậy, đến năm 1920 thì Khải Định tuân lời quan bảo hộ Pháp, xuống chiếu thay đổi Cờ Vàng Quốc Gia tượng trưng cho ba miền thống nhất, thành Cờ Vàng Một Sọc Đỏ, chỉ tượng trưng cho hai miền Bắc và Trung của triều đình Huế mà thôi (còn miền Nam thì trở thành thuộc địa và có “quốc kỳ” riêng).



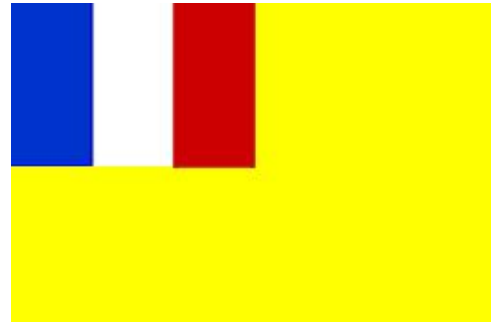
- *Nền vàng.*
- *Một sọc đỏ lớn.*
- *Biểu tượng cho Bắc và Trung kỳ mà thôi.*

Lá cờ Vàng Một Sọc Đỏ, cũng được gọi là cờ “Long Tinh”, vì nó biến thể từ Long Tinh Kỳ nguyên thủy trong mấy chục năm đầu của nhà Nguyễn. Nền vàng có hình chữ nhật tương tự như quốc kỳ của các quốc gia khác. Chấm đỏ được kéo dài ra thành sọc đỏ ở giữa. Tua xanh không còn nữa. Đây là lá cờ biểu hiệu cho một quốc gia chỉ còn hai miền Bắc và Trung, thuộc quyền bảo hộ Pháp. Lá cờ này trải qua đời vua Khải Định và tồn tại trong đời vua Bảo Đại, sau khi vua Khải Định băng hà vào năm 1925. Sau khi lên ngôi vào đầu năm 1926 lúc mới 12 tuổi, vua Bảo Đại trao hết quyền cho “Hội Đồng Phụ Chính” với sự chỉ đạo của Toàn Quyền Pháp rồi trở sang Paris tiếp tục học cho đến 1932 mới trở về chấp chính. Lá cờ Long Tinh vẫn được tiếp tục dùng làm biểu tượng của triều đình Huế, lúc bấy giờ chỉ còn thẩm quyền cai trị hai miền Bắc và Trung dưới sự bảo hộ của Pháp.

CỜ NAM KỲ THUỘC ĐỊA

Miền Nam Thuộc Địa Pháp

Trong khi đó, từ năm 1923, Nam Kỳ đã chính thức thành thuộc địa Pháp “Nam Kỳ Quốc”, có chính phủ riêng, quân đội riêng và đã có “quốc kỳ” khác với Long Tinh Kỳ. Cờ Nam Kỳ Thuộc Địa có nền vàng, với hình cờ Tam Tài của “mẫu quốc” Pháp nằm trên góc trái.



- *Nền vàng.*
- *Cờ Tam Tài, màu xanh trắng đỏ nằm trên góc trái.*

LONG TINH KỶ

Trong Thời Nhật Chiếm Đông Dương

Một ngày sau khi Nhật đảo chánh Pháp, vua Bảo Đại đăng đàn tại Huế vào ngày 11 tháng 3 năm 1945, tuyên bố hủy bỏ hòa ước Quý Mùi 1883 và Giáp Thân 1884, Việt Nam thống nhất và độc lập, theo chế độ quân chủ tân thời như một số quốc gia Tây Phương, và ủy nhiệm cho học giả Trần Trọng Kim thành lập chính phủ. Sau đó, vua Bảo Đại phân định cho Long Tinh Kỳ trở lại cương vị của Đế Kỳ, chỉ treo nơi Hoàng Thành Huế hoặc mang theo những nơi vua tuần du. Long Tinh Đế Kỳ cũng tương tự như Long Tinh Quốc Kỳ trong thời Pháp bảo hộ, nhưng nền vàng đậm hơn và sọc đỏ thu hẹp lại bằng 1/3 chiều cao lá cờ, để tương xứng với cờ Quê Ly của chính phủ Trần Trọng Kim.



- *Nền vàng.*
- *Sọc đỏ bằng 1/3 cờ.*
- *11-3-45: Bảo Đại tuyên bố VN độc lập, Long Tinh Kỳ trở thành Đế Kỳ.*
- *30-8-45: Bảo Đại thoái vị, Đế Kỳ cáo chung.*

CỜ QUÊ LY

Quốc Gia Việt Nam Trong Thời Nhật chiếm Đông Dương

Để biểu trưng cho Quốc Gia trong chế độ Quân Chủ, Bảo Đại ký sắc lệnh chấp thuận đề nghị của Thủ Tướng Trần Trọng Kim, lấy lại quốc hiệu Việt Nam mà nhà Thanh đã chấp thuận trong thời vua Gia Long, và sáng tạo ra một quốc kỳ mới. Đó là lá cờ có nền vàng tương tự như Long Tinh Đế Kỳ nhưng vạch đỏ được chia làm ba vạch nhỏ bằng nhau, riêng vạch giữa thì đứt khoảng, tương tự như quẻ Ly, một quẻ trong bát quái.

Cố Giáo Sư Nguyễn Ngọc Huy, trong bài viết dưới tựa đề “*Quốc Kỳ và Quốc Ca Việt Nam*” đã giải thích như sau:

“Ly là một quẻ của bát quái. Cũng như màu đỏ, nó tượng trưng cho phương nam. Trong vũ trụ quan của Việt Nam và Trung Hoa thời trước, màu đỏ thuộc hành hỏa, tượng trưng cho mặt trời hay lửa; quẻ Ly cũng tượng trưng cho mặt trời, cho lửa, cho ánh sáng, cho nhiệt lực và về mặt xã hội thì tượng trưng cho sự văn minh. Về hình dạng thì quẻ Ly trên cờ của chánh phủ Trần Trọng Kim gồm một vạch đỏ liền, một vạch đỏ đứt và một vạch đỏ liền. Do đó, bên trong quẻ Ly, hiện lên một nền vàng gồm hai vạch liền và một vạch đứt nối liền hai vạch ấy. Trong Hán văn, đó là chữ Công. Chữ công này được dùng trong các từ ngữ công nhơn, công nghệ để chỉ người thợ và nghề biến chế các tài nguyên để phục vụ đời sống con người. Vậy, ngoài ý nghĩa văn minh rạng rỡ, quẻ Ly còn hàm ý ca ngợi sự siêng năng cần mẫn và sự khéo léo của dân tộc Việt Nam trong các ngành hoạt động sản xuất kỹ nghệ.”

Còn tài liệu của *Cơ Sở Việt Tộc Paris* thì ghi:

“Theo Kinh Dịch (khoa học đông phương nói về quy luật biến hóa của vạn vật) thì quẻ Ly thuộc cung Hỏa ở phương Nam. Vì thế nên chữ Ly phải mang màu đỏ của lửa. Hình thể lá cờ tượng trưng cho lãnh thổ nên phải là hình vuông (trời tròn đất vuông); nay biến thành hình chữ nhật cho phù hợp với quy ước quốc tế. Vì vậy nên lá cờ mang quẻ ly đã nói lên vị trí của một quốc gia ở phương Nam, tức nước Nam. Nay nước Nam thì ai làm chủ?



- *Nền vàng.*
- *Ba sọc đỏ, sọc giữa đứt khoảng hơi giống hình Quẻ Ly.*
- *Quốc kỳ chính thức thời Nhật, đồng thời với Long Tinh Kế Kỳ*

Màu vàng giải trên toàn thế lá cờ mà ngày xưa gọi là Hoàng Địa, nay ta gọi là Nền Vàng, có nghĩa là dân Việt làm chủ trên mảnh đất đó.”

Như vậy, ý nghĩa cờ Quê Ly là sự thống nhất, độc lập cả ba miền thành một khối và theo chế độ quân chủ. Tuy vậy, trên thực tế, chính phủ Trần Trọng Kim chỉ được Nhật trao thẩm quyền điều hành hai miền Bắc và Trung mà thôi. Còn miền Nam Việt Nam hết lệ thuộc vào Pháp thì lại lệ thuộc vào Nhật.

Mặc dù cờ Quê Ly có ý nghĩa tốt đẹp, nhưng bị nhiều người chỉ trích là “*lệ thuộc vào kinh dịch, tức là còn nô lệ văn hóa của người Hán*”, tương tự như Đại Nam Kỳ bằng Hán tự trong thời Vua Đồng Khánh gần cuối thế kỷ 19.

CỜ VÀNG SỌC XANH

Chính Phủ Lâm Thời “Nam Kỳ Cộng Hòa Quốc”

Riêng tại miền Nam, kể từ ngày 9 tháng 10 năm 1945 sau khi giải giới Nhật, Anh chính thức giao quyền cho Pháp quản nhiệm hành chánh miền Nam vĩ tuyến 16. Kế đến Pháp trở cờ, tái lập “Cộng Đồng Liên Bang Đông Dương”. Ngày 1 tháng 6 năm 1946 nước “Cộng Hòa Nam Kỳ” ra đời, với nội các Bác Sĩ Nguyễn Văn Thinh. Lá cờ “Nam Kỳ Cộng Hòa Quốc” có nền vàng bao bên ngoài ba sọc xanh ở giữa, chen giữa ba sọc xanh là hai sọc trắng. Ý nghĩa của ba sọc xanh là ba phần Việt, Miên, Lào trong liên bang Đông Dương sống hòa bình thịnh vượng (màu xanh và trắng). Chế độ “Nam Kỳ Thuộc Địa” tồn tại được 2 năm thì cáo chung với sự thành lập Quốc Gia Việt Nam do cựu hoàng Bảo Đại làm Quốc Trưởng kể từ ngày 2 tháng 6 năm 1948.



- *Nền vàng.*
- *Ba sọc xanh, hai sọc trắng.*
- *1-6-46: Nam Kỳ Cộng Hòa Quốc trong Liên Bang Đông Dương.*
- *2-6-48: Bảo Đại lập Quốc Gia Việt Nam trong Liên Hiệp Pháp, thống nhất ba miền.*

CỜ VÀNG BA SỌC ĐỎ

“*Việt Nam Quốc*” và “*Việt Nam Cộng Hòa*”

Cựu Hoàng Bảo Đại được các đảng phái cách mạng cũng như người Pháp mời ra điều khiển đất nước với tư cách “Quốc Trưởng”. Ông đòi hỏi Pháp phải công nhận cho Việt Nam được quyền độc lập và thống nhất ba miền, rồi thành lập “Chính Phủ Trung Ương Lâm Thời Việt Nam”, cử tướng Nguyễn Văn Xuân làm Thủ Tướng để điều hành đất nước và thương thảo với Pháp. Tiếp theo, Hội Đồng Đại Biểu Chính Phủ Nam Việt Nam của “Nam Kỳ Cộng Hòa Quốc” gửi kiến nghị tán thành chính phủ trung ương, chấp nhận sự độc lập và thống nhất thật sự của ba miền. Vì thế ngày 2 tháng 6 năm 1948, chính phủ Nguyễn Văn Xuân công bố Quốc Kỳ và Quốc Ca Việt Nam trong liên hiệp Pháp, áp dụng cho cả ba miền Nam, Trung và Bắc Kỳ.

Lá Quốc Kỳ mới cũng có nền vàng với ba sọc đỏ giống hệt như Đại Nam Quốc Kỳ trong thời khoảng 1890-1920. Nhưng đây là lần đầu tiên, Cờ Vàng được chính thức dùng cho “Quốc Gia Việt Nam”, một chế độ không còn thuộc Đế Chế của Triều Nguyễn.

Bàn về xuất xứ của lá Cờ Vàng của chế độ mới, cô GS Nguyễn Ngọc Huy cho biết lá cờ này đã “do một họa sĩ nổi tiếng thời Đệ Nhị Thế Chiến là Lê Văn Đệ vẽ và đã được Cựu Hoàng Bảo Đại chọn trong nhiều mẫu cờ khác nhau được trình cho ông trong một phiên họp ở Hồng Kông năm 1948”. Tuy nhiên, một số tài liệu khác cho thấy không phải ngẫu nhiên mà Bảo Đại chọn lá cờ ấy, cũng không phải chỉ vì lá Cờ Vàng “đẹp và ý nghĩa”. Nguyên do chính là vì họa sĩ họ Lê đã vẽ lại một lá quốc kỳ từng hiện hữu trên quê hương từ 50 năm về trước, suốt trong thời kỳ hai vị vua ái quốc Thành Thái và Duy Tân còn tại vị.

Vào năm 1948, Bảo Đại không muốn tái sử dụng Long Tinh Kỳ vì đó là Đế Kỳ của một đế chế mà ông đã chấm dứt vào tháng 8 năm 1945. Một ông vua tha thiết với nền độc lập và sự toàn vẹn lãnh thổ, đến nỗi chịu thoái vị vì quyền lợi tối thượng của đất nước, hẳn dư biết nguồn gốc của lá Cờ Vàng. Ngoài ra, một vài chi tiết lịch sử quan trọng khác cũng đã góp phần vào việc chọn lựa Cờ Vàng: Đó là cái chết oan ức tại Phi Châu vào cuối năm 1945 của Hoàng Tử Vĩnh San, tức là Cựu



- *Nền vàng.*
- *Ba sọc đỏ bằng nhau biểu hiệu bắc-nam-trung bất khả phân.*
- *2-6-48: Chính Phủ Trung Ương dùng Cờ Vàng làm quốc kỳ giống như Đại Nam Kỳ thời 1890 1920.*
- *20-7-54: Đất nước chia đôi theo Hiệp Định Genève. Từ đó, Cờ Vàng vẫn được dùng làm Quốc Kỳ Việt Nam Cộng Hoà.*

Hoàng Duy Tân, và sự hiện diện tại Sài Gòn từ năm 1947 của Cựu Hoàng Thành Thái, thân sinh của Duy Tân. Cờ Vàng đã được dùng làm Quốc Kỳ lần đầu trong triều đại của hai vị vua này. Cả hai đã là linh hồn của cuộc kháng chiến chống Pháp giành độc lập vào đầu thế kỷ 20, mà hậu quả là cuộc xử tử các thủ lĩnh Quang Phục Hội như anh hùng Thái Phiên, Trần Cao Vân vào năm 1916, và án lưu đày Phi Châu của hai vị vua ái quốc ấy. Sự hiện diện của cựu hoàng Thành Thái cùng với cái chết của cựu hoàng Duy Tân hiển nhiên đã gợi lên tinh thần tôn kính hoài bão của hai vua. Chắc chắn Bảo Đại có đến thăm bậc Thái Thượng Hoàng khả kính của ông, và hội ý trong việc chọn Cờ Vàng làm Quốc Kỳ, nhưng ông không thể tiết lộ ra, vì sẽ phạm vào điều kiện của De Gaulle khi cho Cựu Hoàng Thành Thái về Việt Nam, là không được tham dự vào chính trị phục quốc. Sự rao truyền rằng Cờ Vàng do họa sĩ Lê Văn Đệ vẽ ra mà không nhắc đến sự hiện hữu của Cờ Vàng 50 năm trước, cũng có dụng ý. Đó là vì nhu cầu bảo vệ an nguy của Cựu Hoàng Thành Thái. Vì thế, việc Quốc Trưởng Bảo Đại lựa chọn Cờ Vàng của thời chống Pháp làm Quốc Kỳ cho tân chế độ là một quyết định sáng suốt và hợp chính nghĩa.

Vì nguồn gốc kháng Pháp hào hùng của Cờ Vàng, mà năm 1955, Thủ Tướng Ngô Đình Diệm tổ chức “trung cầu dân ý”, lập ra chế độ Đệ Nhất Việt Nam Cộng Hoà, quốc hội mới vẫn giữ nguyên quốc kỳ của một chế độ đã cáo chung. Cuộc đảo chánh năm 1963, chấm dứt nền Đệ Nhất Cộng Hoà, lập nên Đệ Nhị Cộng Hoà, Cờ Vàng vẫn được giữ nguyên là Quốc Kỳ cho đến khi miền Nam bị miền Bắc thôn tính.

Kể từ ngày 30 tháng 4 năm 1975 đến nay, hàng triệu người Việt không muốn sống dưới chế độ Cộng Sản, đã tìm mọi cách thoát ra khỏi nước. Suốt gần ba thập niên qua, tại khắp nơi trên các nước tự do, Cờ Vàng luôn luôn được dùng làm biểu tượng của dân tộc VN trong mọi cuộc lễ nghi, hội họp. Từ dịp vui mừng ngày hội tết, cho đến dịp kỷ niệm ngày 30 tháng 4, Cờ Vàng luôn luôn được kéo lên, không phân biệt ban tổ chức thuộc đảng phái chính trị hay hội đoàn xã hội nào.

QUỐC CA

“*Tiếng Gọi Công Dân*” là quốc ca của Việt Nam từ 1948. Nguyên thủy bài này là bài *La Marche des Étudiants* ra đời cuối năm 1939, do Lưu Hữu Phước sáng tác nhạc, Mai Văn Bộ đặt lời tiếng Pháp để làm bài hát chính thức của Hội Học Sinh (*Scholar Club*) trường trung học Petrus Ký. Bài hát nhanh chóng trở thành bài hát chính thức của học sinh miền Nam thời bấy giờ. Năm 1941, Tổng Hội Sinh Viên Đông Dương đã chọn bài hát này làm bài hát chính thức và Lưu Hữu Phước đã viết lại lời Việt với tên gọi “*Sinh Viên Hành Khúc*”, chia thành 3 phần. Tuy nhiên, phổ biến nhất vẫn là phần 1 của bài hát. Tương truyền, có rất nhiều tổ chức yêu nước khác ở miền Nam cũng lấy bài này sửa lại để làm ca khúc chính thức nên bài hát có rất nhiều dị bản.

Năm 1948, chính phủ lâm thời Quốc Gia Việt Nam của Nguyễn Văn Xuân đã chọn bài này làm quốc ca cho Quốc Gia Việt Nam với tên mới là “*Tiếng Gọi Công Dân*” hay “*Công Dân Hành Khúc*”. Năm 1956, sau khi Việt Nam Cộng hòa thành lập, Đài Phát thanh Sài Gòn đã sửa chữa lại một vài đoạn để trở thành quốc ca của Việt Nam Cộng hòa.

Bản nhạc quốc ca Việt Nam Cộng Hòa

*Này công dân ơi! Đứng lên đáp lời sông núi
Đồng lòng cùng đi hy sinh tiếc gì thân sống
Vì tương lai quốc dân cùng xông pha khói tên
Làm sao cho núi sông từ nay luôn vững bền
Dù cho thây phơi trên gươm giáo
Thù nước, lấy máu đào đem báo
Nòi giống, lúc biến phải cần giải nguy
Người công dân luôn vững bền tâm trí
Hùng tráng quyết chiến đấu cho khắp nơi
Vang tiếng người nước Nam cho đến muôn đời
Công dân ơi! Mau hiến thân dước cờ
Công dân ơi! Mau làm cho cõi bờ
Thoát cơn tàn phá, về vang nòi giống
Xứng danh nghìn năm dòng giống Lạc Hồng.*